

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14 - 8 - 2020

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Hoài Ân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Châu Văn Bằng

2. Ông Nguyễn Văn Trương

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Minh Châu – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Huỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1984 (có mặt)

Trú tại: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp Đ, xã T, thành phố N, tỉnh Hậu Giang.

*2. Bị đơn:* Anh Bùi Văn M, sinh năm 1985 (có mặt)

Trú tại: Ấp P, xã Phú T, huyện C, tỉnh Hậu Giang

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Chị Nguyễn Hoàng P và anh Bùi Văn M quen biết nhau, có tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú H (nay là xã Phú T) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau nên đã sống ly thân. Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Thị Mộng T, sinh ngày 03/8/2007, hiện đang sống với chị P. Chị P yêu cầu được ly hôn; về con chung yêu cầu trực tiếp nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng; Tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không yêu cầu.

Bị đơn anh Bùi Văn M trình bày: Về quan hệ hôn nhân, anh M không đồng ý ly hôn với chị P do còn thương vợ. Về con chung: có 01 con chung là Bùi Thị Mộng T, sinh ngày 03/8/2007, anh M thống nhất theo ý nguyện của con, ở với anh hay chị P đều được. Về tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Hoàng P được ly hôn với anh Bùi Văn M. Về con chung giao trẻ Bùi Thị Mộng T, sinh ngày 03/8/2007 cho chị Nguyễn Hoàng P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trẻ tròn 18 tuổi. Anh M chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị P phải chịu theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị P và anh M chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã Phú H (nay là xã Phú T), huyện C, tỉnh Hậu Giang nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị P cho rằng giữa chị và anh M phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là mâu thuẫn về tài chính, anh chị không còn sống chung với nhau, đã ly thân khoảng 03 tháng nay. Anh M cho rằng anh và chị P không có mâu thuẫn gì lớn nên không thống nhất ly hôn. Xét thấy, tuy anh M không thống nhất ly hôn với chị P nhưng trong quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay chị P vẫn cương quyết ly hôn cho thấy tình cảm vợ chồng không

còn. Anh M cho rằng còn thương chị P nhưng trong thời gian ly thân cho đến khi tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, anh M vẫn không có động thái gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy chị P và anh M đã sống ly thân cho thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Tại tòa chị P giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh M. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị P và anh M được ly hôn.

[2] Về con chung: Chị P và anh M có 01 con chung tên Bùi Thị Mộng T, sinh ngày 03/8/2007 hiện đang sống với chị P. Anh M thống nhất để trẻ tự lựa chọn theo ý nguyện của trẻ và trẻ có nguyện vọng sống với chị P nên Hội đồng xét xử thống nhất giao con chung cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: không có.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị P phải nộp 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hoàng P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Hoàng P và anh Bùi Văn M được ly hôn.

2. Về con chung: Giao trẻ Bùi Thị Mộng T, sinh ngày 03/8/2007 cho chị Nguyễn Hoàng P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trẻ tròn 18 tuổi. Anh M chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người

trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Hoàng P phải chịu 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp theo biên lai số 0004079 ngày 29/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- VKSND h. Châu Thành;
- THA h. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Dương Hoài Ân**



**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Minh Tâm**